

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN SÂU MÔN TIẾNG NGA LỚP 10  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN**

**pdfMachine** - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

**Get yours now!**

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG DẠY HỌC MÔN TIẾNG NGA LỚP 10**  
**TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  
**(ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2006 - 2007)**

**I. Mục đích**

- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc kế hoạch dạy học và nội dung dạy môn tiếng Nga cho THPT chuyên;
- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT.

**II. Kế hoạch dạy-học**

Tổng số tiết: 150% số tiết của chương trình nâng cao (NC) = **4tiết/tuần (NC) x 150% = 6 tiết/tuần x 35 tuần = 210 tiết.**

Trong đó:

- **Học kỳ I: 18 tuần x 6 tiết/tuần = 108 tiết**
- **Học kỳ II: 17 tuần x 6 tiết/tuần = 102 tiết**

**III. Nội dung giảng dạy**

**3.1. Cấu trúc nội dung giảng dạy:**

Nội dung dạy học môn tiếng Nga cho các trường THPT chuyên ngữ được xây dựng trên cơ sở:

- Chương trình (CT) và Sách giáo khoa (SGK) môn tiếng Nga nâng cao.
- Mở rộng và khai thác sâu hơn kiến thức ngôn ngữ của chương trình nâng cao.
- Nâng cao yêu cầu đối với kỹ năng ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng giao tiếp (khẩu ngữ, đọc hiểu, viết).

### 3.2. Nội dung chuyên sâu:

#### CHƯƠNG TRÌNH LỚP 10

*Số tiết dành cho chuyên sâu: 2 tiết/tuần x 35 tuần = 70 tiết*

NỘI DUNG NÂNG CAO		NỘI DUNG CHUYÊN SÂU
Nội dung giao tiếp	Nội dung ngôn ngữ	
Giới thiệu ai với ai	Động từ: <i>знакомить - познакомить</i> Từ cùng gốc: <i>знакомство, знакомый, знакомая, незнакомый</i>	Cách dùng dạng rút gọn của " <i>знакомый</i> ": <i>знаком, знакома, знакомо, знакомы</i> (кому? с кем? с чем?)
Nói trang phục (rộng, chật, ...)	Tính từ rút gọn ( <i>велик, узок, ...</i> ) Cấu trúc: <i>что кому идет, что на ком сидит, что кому как раз</i>	- Bổ sung thêm một số cách nói về trang phục. - Câu hỏi cho tính từ rút gọn <i>каков, какова, каково, каковы.</i>
Nói chở ai, cái gì đến đâu	Động từ chuyển động có tiền tố <i>при-</i> Danh từ cùng gốc: <i>приход, проезд</i>	- Yêu cầu phân biệt được ý nghĩa của các cặp động từ trong bài và một số động từ chuyển động khác.
Nói ủng hộ, cổ vũ, phản đối	Giới từ <i>за</i> cách 4; <i>против</i> cách 2 <i>Протест, протестовать, противник, болеть за кого-что</i>	- Nâng cao chất lượng kỹ năng khẩu ngữ và kỹ năng đọc hiểu liên quan đến chủ đề của bài.
Nói vị trí	Giới từ: " <i>с</i> " cách 5; <i>у, около, возле, близко от, недалеко от</i> cách 2	- Yêu cầu phân biệt được ý nghĩa và cách dùng các cách nói này. Sử dụng thuần thục trong giao tiếp.
Nói không có điều kiện thực hiện điều gì	Cấu trúc có <i>некогда</i> ( <i>некуда, негде, некому, ...</i> )	- Yêu cầu phân biệt được ý nghĩa và cách dùng của các cấu trúc này với các cách nói đi kèm, có thể thay thế thành thạo bằng các cấu trúc tương đương.
Nói nhấn mạnh	Cấu trúc có <i>один и тот же</i> ; ý nghĩa, cách dùng " <i>один</i> "; tính từ " <i>один-единственный, одинаковый, ...</i> ".	- Yêu cầu sử dụng chính xác trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

Bày tỏ ý kiến, quan điểm	Cách nói: <i>Мне кажется; на мой взгляд; с моей точки зрения.</i>	- Yêu cầu sử dụng chính xác trong các tình huống giao tiếp cụ thể.
Nói hành động theo cách nào	Trạng từ kiểu <i>по-новому, по-прежнему,..</i>	- Yêu cầu biết cách thay thế bằng các cấu trúc tương đương và sử dụng nhuần nhuyễn trong thực tế giao tiếp.
Nói so sánh hơn cả	Cấu trúc có <i>... больше всего, ... больше всех</i> Cách nói: <i>чем больше тем лучше</i>	- Yêu cầu phân biệt được cách dùng với dạng so sánh tuyệt đối ( <i>самый умный</i> ). - Biết cách sử dụng linh hoạt, đúng tình huống.
Cách truyền đạt lại câu hỏi của người khác	Cấu trúc câu hỏi gián tiếp có <i>ли, или; не хочешь ли ты, не пойдёте ли вы; иначе; таким образом; другими словами, ...</i>	- Luyện tập thực hành trong những tình huống cụ thể có sự hướng dẫn của giáo viên.
Nói thời tiết	Cách nói: <i>5 градусов тепла(мороза)</i> Từ vựng: <i>солнечный, дождливый, облачный,..</i>	- Yêu cầu sử dụng chính xác trong các tình huống giao tiếp cụ thể.
Nói yêu cầu, đề nghị ai việc gì	Động từ: <i>просить, предлагать</i> Danh từ: <i>просьба, предложение,</i> Cách nói: <i>у кого просьба к кому</i>	- Nắm vững kiến thức ngôn ngữ trong bài, rèn luyện kỹ năng sử dụng và những cách nói tương đương.
Nói số lượng gần đúng	Trạng từ: <i>более, менее, больше, меньше почти, примерно, приблизительно, ...</i>	- Biết cách sử dụng thêm một số từ chỉ số lượng gần đúng trong thực tế giao tiếp.
Nói ai tham gia vào việc gì	Động từ: <i>участвовать;</i> Danh từ: <i>конкурс, дискуссия, олимпиада, съезд</i>	- Thêm một số từ mới để chỉ sự tham gia và cách nói tương đương.
Nói so sánh	Cách nói: <i>старше брата, постарше; намного(немного) старше,..</i>	- Luyện tập thực hành trong những tình huống cụ thể có sự hướng dẫn của giáo viên.
Nói đủ hay không đủ cái gì	Động từ: <i>хватать - хватить</i> Từ vựng: <i>достаток, недостаток, достаточно, ...</i>	- Yêu cầu sử dụng chính xác trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

Nói ai thử cái gì (làm gì)	Động từ: <i>пробовать - попробовать</i> <i>примерять - примерить</i> Từ vựng: <i>проба, пробный, примерочная, . . .</i>	- Phân biệt và sử dụng thành thạo những từ được bổ xung.
Nói ai chuẩn bị cho việc gì	Động từ: <i>готовиться, собираться;</i> <i>готовность, подготовка, годовщина,</i> <i>юбилей, празднование</i>	- Phân biệt được ý nghĩa và cách dùng của các từ chỉ sự chuẩn bị.
Nói đòi hỏi ở ai điều gì	Động từ: <i>требовать;</i> Từ cùng gốc: <i>требование, требовательный,</i>	- Phân biệt và sử dụng thành thạo những từ cùng gốc liên quan đến nội dung của bài học.
Nói chở, dẫn dắt ai, cái gì đến đâu	Động từ: <i>привозить, приносить, приводить;</i> <i>привести пример; приносить пользу, . . .</i>	- Nắm vững ý nghĩa của tiền tố trong những động từ chuyển động khác, biết cách cấu tạo và sử dụng chúng.
Nói ai thắng hoặc thua	Động từ: <i>выигрывать, проигрывать;</i> Danh từ: <i>выигрыш, проигрыш;</i> <i>терпеть поражение, побеждать, . . .</i>	- Biết thêm cách nói thắng thua, thất bại với một số động từ và danh từ khác.
Nói điều gì làm ai ngạc nhiên, vui mừng	Động từ: <i>удивлять, радовать; удивляться,</i> <i>удивиться;</i> <i>удивление, к удивлению; удивительно;</i> <i>рад кому-чему, радость, радостный</i>	- Sử dụng thành thạo những từ trong bài và biết cách thay thế bằng cấu trúc tương đương.
Nhắc ai nhớ đến điều gì	Động từ <i>напоминать - напомнить,</i> <i>запоминать - запомнить, вспоминать -</i> <i>вспомнить,</i> Danh từ: <i>запоминание, воспоминание;</i> <i>напоминание</i>	- Phân biệt và sử dụng thành thạo những động từ của bài trong thực tế giao tiếp.

## CHUẨN KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG LỚP 10

<i>Nội dung</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1. Giới thiệu ai với ai	<p><b>Kiến thức:</b> - Hiểu ý nghĩa và cách dùng của cặp động từ <i>знакомить</i> - <i>познакомить</i></p> <p>- Chia thành thạo động từ <i>расти</i> - <i>вырасти</i> ở thời hiện tại và quá khứ.</p> <p><b>Kĩ năng:</b> - Sử dụng thuần thục cách nói: <i>знакомить</i> - <i>познакомить кого с кем</i> để giới thiệu làm quen. (Я хочу познакомить тебя с моим другом.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Phân biệt được ý nghĩa và cách dùng với cặp động từ cùng gốc có -ся: <i>знакомиться</i> - <i>познакомиться с кем</i> - <i>чем</i>.</p> <p>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (знакомство, знакомый, незнакомый, ...)</p> <p>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</p> <p>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</p> <p>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. Củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu.</p> <p>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	

<p>2. Nói ai tham gia vào việc gì</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa, nhận biết được cách dùng: <i>участвовать/принимать участие в чём.</i></p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng các cách nói trên trong thực tế giao tiếp. (Мы принимаем участие в спортивном соревновании.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Yêu cầu sử dụng được cả hai cách nói: <i>участвовать в чём</i> và <i>принимать участие в чём.</i> - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (конкурс, дискуссия, олимпиада, съезд ... ). - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kỹ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>	

<p>3. Nói ai ủng hộ, cổ vũ hoặc phản đối ai, cái gì</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng giới từ <i>за</i> (cách 4) và giới từ <i>против</i> (cách 2).</p> <p>Kĩ năng: - Sử dụng thành thạo các phương tiện ngôn ngữ trên để nói ủng hộ hoặc phản đối. (Наш народ выступает за мир, против войны.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (протест, протестовать, противник, болеть за кого-что, болельщик,...) - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	



<p>4. Nói so sánh hơn cả</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng cấu trúc: <i>tính từ, trạng từ (dạng so sánh tương đối) + всего (всех).</i></p> <p>Kĩ năng: - Sử dụng thuần thục cấu trúc trên để nói so sánh hơn cả trong các tình huống giao tiếp cụ thể. (В нашем классе он умнее всех. Это мороженое мне нравится больше всего.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Yêu cầu phân biệt được cách dùng với dạng so sánh tuyệt đối (<i>самый умный</i>). - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (kết hợp với cách nói: чем больше тем лучше, ...) - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	

<p>5. Nói trang phục</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa, nhận biết cách cấu tạo dạng rút gọn của tính từ (<i>красив, красива, красиво, красивы</i>).</p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng thành thạo dạng rút gọn của tính từ để nói về trang phục trong những tình huống giao tiếp cụ thể. (Новое платье тебе чуть длинно. Эти джинсы ему широки.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Phân biệt được ý nghĩa và cách dùng giữa dạng rút gọn và dạng đầy đủ của tính từ. - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (куртка, кофта, берет, кепка ... ). - Hiểu ý nghĩa và cách dùng các cấu trúc: что + кому + идёт, что + на ком + сидит, что + кому + как раз - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kỹ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kỹ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>	

<p>6. Nói ai chuẩn bị cho việc gì</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng các động từ <i>готовиться, собираться - собраться</i>.</p> <p>Kĩ năng: - Có kĩ năng sử dụng cách nói <i>готовиться к чему, собираться - собраться куда-что делать</i> trong thực tế giao tiếp. (Мы готовимся к контрольной работе. Он собирается идти туда.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Phân biệt được ý nghĩa và cách dùng của các từ cùng gốc <i>готовить что</i> và <i>готовиться к чему</i>.</p> <p>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (готовность, подготовка, годовщина, юбилей, празднование ... )</p> <p>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</p> <p>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</p> <p>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kỹ năng đọc hiểu.</p> <p>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>	

<p>7. Nói ai chú ý đến ai, cái gì</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng <i>обращать - обратить внимание на кого-на что</i>. Kĩ năng: - Sử dụng thành thạo cách nói trên để biểu thị sự chú ý đến ai, đến cái gì. (Мы обращаем внимание на вопрос учителя.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (биология, информатика, физкультура ... ). - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kỹ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>	

<p>8. Nói vị trí ở gần, bên cạnh, . . .</p>	<p>Kiến thức: Thông hiểu ý nghĩa và cách dùng <i>рядом с чем, около чего</i>.</p> <p>Kĩ năng: - Sử dụng thuần thục các phương tiện ngôn ngữ trên để nói địa điểm. (В классе я сижу рядом с Виктором, а она сидит около окна.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Yêu cầu phân biệt được ý nghĩa và cách dùng các cách nói này. - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (возле кого-чего, близко от кого-чего, недалеко от кого-чего ...) - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	

<p>9. Nói ai hành động theo cách nào</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng các trạng từ kiểu <i>по-новому, по-старому, ...</i> .</p> <p>Kĩ năng: - Có kỹ năng sử dụng thành thạo các trạng từ trên để nói phương thức hành động. (Мы можем решить эту задачу по-разному.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (по-прежнему, . . .).</p> <p>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm)</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</p> <p>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kỹ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</p> <p>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kỹ năng đọc hiểu.</p> <p>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>	

<p>10. Nói chớ ai, cái gì đến đâu</p>	<p>Kiến thức: - Hiểu ý nghĩa và cách dùng các động từ chuyển động có tiền tố <i>при-</i> (<i>привозить</i> - <i>привезти</i>, <i>приносить</i> - <i>принести</i>, <i>приводить</i> - <i>привести</i>).</p> <p>- Chia thuận thực các động từ <i>привезти</i>, <i>принести</i>, <i>привести</i> ở thời tương lai và quá khứ.</p> <p>Kĩ năng: - Sử dụng thành thạo các động từ chuyển động có tiền tố <i>при-</i> để giải quyết các nhiệm vụ giao tiếp trong những tình huống cụ thể. (Мать привела сына в детский сад. Я принёс тебе новый учебник.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Yêu cầu phân biệt được ý nghĩa của các cặp động từ này.</p> <p>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (приход, проезд, базар, рынок, ярмака, выставка)</p> <p>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</p> <p>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</p> <p>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu.</p> <p>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	

<p>11. Nói không có điều kiện thực hiện điều gì</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng cấu trúc <i>кому + некого ( нечего, некуда, ...) + что делать.</i></p> <p>Kĩ năng: - Có kĩ năng sử dụng thuần thục các cấu trúc này để nói khi không có điều kiện làm gì. (Нам негде сидеть в зале. Мне не с кем играть в шахматы.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Yêu cầu phân biệt được ý nghĩa và cách dùng của các cấu trúc này với các cách nói có: <i>ничего, никуда, ни с кем.</i> (Ему не с кем играть. ≠ Он ни с кем не играет.) - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (машинист, тракторист, ... ) - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	



<p>12. Truyền đạt lại câu hỏi của người khác</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng câu có từ <i>ли</i> hoặc <i>или</i>. Kĩ năng: - Biết sử dụng cách nói này để truyền đạt lại câu hỏi của người khác. (Он спросил, пойдёт ли Виктор в поход. Он спросил, пойдёт Виктор в поход или на экскурсию.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>Yêu cầu phân biệt được cách dùng giữa <i>ли</i> và <i>или</i>. - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (не хочешь ли ты, не пойдёте ли вы ... ) - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kỹ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kỹ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>	

<p>13. Nói nhấn mạnh</p>	<p>Kiến thức: - Hiểu ý nghĩa và cách dùng: <i>один и тот же, одна и та же, одни и те же.</i> - Biết biến đổi số từ <i>один, одна, одно, одни</i> ở các cách.</p> <p>Kĩ năng: - Sử dụng thành thạo cách nói trên để nhấn mạnh trong trường hợp cần thiết. (У нас одна и та же тема сочинения.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (одинаковый, один за всех, все как один, один за другим, ... ). - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. Củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	

<p>14. Bày tỏ ý kiến, quan điểm</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa các cách nói: <i>по моему мнению; я считаю, что...; мне кажется, что... .</i></p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng các cách nói trên để bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình. (Я считаю, что Антон прав.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>Yêu cầu biết sử dụng cả 3 cách nói. - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (на мой взгляд, ... ) - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	

<p>15. Nhắc ai nhớ đến điều gì</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng của cặp động từ <i>напоминать</i> - <i>напомнить</i>.</p> <p>Kĩ năng: - Biết vận dụng cách nói <i>напоминать</i> - <i>напомнить кому о ком-о чём</i> vào thực tế giao tiếp. (Снег напоминает мне о русской зиме.)          - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.          - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (запоминать, запомнить, вспоминать - вспомнить, запоминание, вспоминание ... )          - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.          - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.          - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu.          - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	

<p>16. Nói thời tiết</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng một số từ, tập hợp từ có liên quan tới chủ điểm đang học: <i>мороз, плюс 2 градуса, минус 5 градусов, ...</i> .</p> <p>Kĩ năng: - Biết dùng các phương tiện ngôn ngữ trên để nói về thời tiết. (Сегодня днём плюс 5 градусов.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>Biết sử dụng các cách nói tương đương: <i>плюс 2 градуса = 2 градуса тепла;</i> <i>минус 5 градусов = 5 градусов мороза.</i> - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (солнечный, дождливый, влажный, пасмурный, облачный ... ) - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	

<p>17. Nói yêu cầu đề nghị ai làm việc gì</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách sử dụng các cặp động từ: просить - попросить, предлагать - предложить.</p> <p>Kĩ năng: - Biết sử dụng cách nói <i>просить кого что делать, предлагать кому что, что делать.</i> (Учитель просит учеников писать сочинение. Учитель предлагает ученикам писать сочинение.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>Cần nắm vững cả 2 cách nói này.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (просьба, предложение, у кого просьба к кому,...).</li> <li>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</li> <li>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kỹ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</li> <li>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kỹ năng đọc hiểu.</li> <li>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</li> </ul>	

<p>18. Nói đòi hỏi ai điều gì</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách sử dụng của cặp động từ: требовать - потребовать.</p> <p>Kĩ năng: - Biết vận dụng cách nói <i>требовать</i> - <i>потребовать чего от кого что делать</i> trong giao tiếp. (Мама требует от сына серьезного отношения к учёбе. Учитель требует говорить только по-русски.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>Yêu cầu sử dụng được cả 2 cách nói. - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (требование, требовательный, ... ). - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kỹ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kỹ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</p>	

<p>19. Nói ai thắng hoặc thua</p>	<p>Kiến thức: Hiểu được ý nghĩa và cách dùng các cặp động từ: <i>выигрывать</i> - <i>выиграть</i>, <i>проигрывать</i> - <i>проиграть</i>.</p> <p>Kĩ năng: - Biết vận dụng cách nói <i>выигрывать</i> - <i>выиграть</i>, <i>проигрывать</i> - <i>проиграть</i> <i>кого-что в чём</i> để thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp cụ thể. ("Спартак" выиграл "Динамо" в футбольном матче. Саша проигрывает Антона в соревновании по шахматам.)</p> <p>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</p> <p>- Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (<i>выигрыш</i>, <i>проигрыш</i>,...).</p> <p>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</p> <p>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</p> <p>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu.</p> <p>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	



<p>20. Nói số lượng gần đúng</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng các từ <i>более, менее, больше, меньше, около, примерно</i>.</p> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng các phương tiện ngôn ngữ trên trong giao tiếp. (Сергей собрал более тысячи марок.)</li> <li>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</li> <li>- Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (почти, примерно, приблизительно, ...).</li> <li>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</li> <li>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</li> <li>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kỹ năng đọc hiểu.</li> <li>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kỹ năng làm bài.</li> </ul>	

<p>21. Nói so sánh</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng các dạng so sánh của tính từ và trạng từ.</p> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng các cách nói so sánh trong thực tế giao tiếp. (Виктор старше Антона. Виктор старше, чем Антон.)</li> <li>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</li> <li>- Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</li> </ul>	<p>Yêu cầu biết sử dụng cả 2 cách nói này.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (những từ cấu tạo dạng so sánh khó: лучше, хуже, старше, моложе ...).</li> <li>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</li> <li>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</li> <li>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu.</li> <li>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</li> </ul>	

<p>22. Nói đủ hay không đủ cái gì</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng động từ <i>хватать</i> - <i>хватить</i>. Kĩ năng: - Biết sử dụng cách nói <i>(не) хватать</i> - <i>(не) хватить чего</i> để thực hiện nhiệm vụ giao tiếp. (У Виктора не хватает времени для спорта. Виктору хватит силы это сделать.) - Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga. - Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</p>	<p>Yêu cầu biết sử dụng cả 2 cách nói này. - Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (достаток, недостаток, достаточно, ... ). - Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</p>
	<p>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài. - Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ. - Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu. - Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</p>	

<p>23. Nói điều gì làm ai ngạc nhiên, vui mừng</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng các động từ: <i>удивлять - удивить, радовать - обрадовать.</i></p> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết vận dụng các phương tiện ngôn ngữ trên trong những tình huống giao tiếp cụ thể. (Это меня удивляет.)</li> <li>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</li> <li>- Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (удивляться, удивиться, удивление, рад кому-чему, радость, радостный ...).</li> <li>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</li> <li>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</li> <li>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu.</li> <li>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</li> </ul>	

<p>24. Nói ai thử cái gì (làm gì)</p>	<p>Kiến thức: Hiểu ý nghĩa và cách dùng động từ <i>пробовать</i> - <i>попробовать</i>.</p> <p>Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng cách nói <i>пробовать</i> - <i>попробовать что, что делать</i> trong giao tiếp. (Нина пробует суп. Нина пробует готовить суп.)</li> <li>- Đọc hiểu văn bản bằng tiếng Nga.</li> <li>- Biết lập dàn ý theo nội dung chính của văn bản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng lượng từ vựng (khoảng 10 từ) có liên quan tới chủ đề đang học (проба, пробный ...).</li> <li>- Nâng cao chất lượng kĩ năng khẩu ngữ (thêm khoảng 2-3 bài tập) và kĩ năng đọc hiểu (có thể thêm tiểu văn bản cùng bài tập đi kèm).</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng đơn vị từ vựng (khoảng 10-15) có liên quan tới nội dung của bài.</li> <li>- Thêm lượng bài tập ngôn ngữ và giao tiếp (khoảng 4-6) để luyện kĩ năng khẩu ngữ, kiến thức ngôn ngữ.</li> <li>- Bổ sung một số văn bản (từ 1-3) cùng bài tập đi kèm nhằm cung cấp kiến thức phổ thông và đất nước học phù hợp với nhận thức và đặc điểm lứa tuổi học sinh. củng cố và nâng cao kĩ năng đọc hiểu.</li> <li>- Đưa thêm một số bài kiểm tra dạng trắc nghiệm để học sinh nắm vững kĩ năng làm bài.</li> </ul>	

## IV. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

### 4.1. Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết cho lớp 10 là 210 tiết. Trong đó 140 tiết học theo chương trình lớp 10 THPT nâng cao, số 70 tiết còn lại dành dành cho việc luyện tập kiến thức và kỹ năng chuyên sâu. Việc phân chia cụ thể số tiết học cho mỗi phần mở rộng và chuyên sâu phụ thuộc vào đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của từng trường.

Giữa Học kỳ I, II cần tiến hành kiểm tra giữa kỳ (nói và viết).

## 4.2. Nội dung giảng dạy

Dựa trên khung hướng dẫn nội dung chuyên sâu, nội dung tài liệu dạy học cụ thể sẽ được lựa chọn (hoặc biên soạn) trên nguyên tắc đảm bảo phù hợp yêu cầu và trình độ cụ thể của học sinh tại địa phương, phát huy tối đa năng lực người học, đồng thời vẫn đảm bảo tính vừa sức, không áp đặt.

Với chủ chương phát huy toàn diện năng lực người học, cũng như với đặc thù của bộ môn ngoại ngữ, các nội dung nghe, nói và đọc phải tạo độ mở cho việc lựa chọn tài liệu dạy các kỹ năng này theo định hướng cá thể hoá dạy học. Tuy nhiên, các giáo viên cần quan tâm đến độ phức tạp của các hiện tượng ngôn ngữ, cũng như các chủ đề phải sát hợp với nội dung chương trình tiếng Nga nâng cao.

Nội dung cho kỹ năng đọc được lựa chọn theo cách mở rộng và tập trung vào chủ đề của các bài nâng cao cho lớp 10.

## 4.3. Nội dung chương trình chuyên được xây dựng trên cơ sở:

- Nội dung chương trình nâng cao theo những luận điểm cơ bản của phương hướng giao tiếp cá thể hóa:
  - . Năng lực giao tiếp là mục đích cuối cùng của quá trình dạy học, còn năng lực ngôn ngữ chỉ quan trọng như phương tiện cần thiết cho năng lực giao tiếp.
  - . Lấy hành động lời nói, chương trình hành vi ứng xử lời nói và văn bản có nội dung theo chủ điểm giao tiếp làm đơn vị cơ bản dạy-học.
  - . Ngữ liệu được lựa chọn theo chức năng, đảm bảo hai nguyên tắc cơ bản: có giá trị giao tiếp và cần thiết về mặt ngôn ngữ, được trình bày theo chủ điểm giao tiếp và được phân bố theo những vòng tròn đồng tâm.
  - . Đảm bảo nội dung ngôn ngữ đất nước học và vận dụng triệt để nguyên tắc cá thể hoá dạy-học.
- Tuân thủ nguyên tắc không phá vỡ tính hệ thống của chương trình chuẩn theo công thức 4 + 2 cho từng bài nhằm mục tiêu:
  - . Khai thác sâu hơn hiện tượng ngôn ngữ đang học, tăng khối lượng từ vựng có liên quan tới chủ đề đang học.
  - . Nâng cao chất lượng kỹ năng khẩu ngữ thông qua việc bổ sung các loại bài tập đa dạng cho phần "Работа над речевым действием".
  - . Nâng cao chất lượng kỹ năng đọc hiểu thông qua việc bổ sung tiểu văn bản (nếu cần) cùng bài tập đi kèm cho phần "Работа над текстом".

## 4.4. Phương pháp và phương tiện dạy học theo chương trình chuyên cần phải:

- Đảm bảo tính thực hành giao tiếp tích cực trong quá trình dạy học.
- Đảm bảo kết hợp thực hành rèn luyện kỹ năng giao tiếp với trang bị kiến thức ngôn ngữ có hệ thống để phát huy tính tự giác, tích cực trong quá trình hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Nga và phát triển năng lực trí tuệ của học sinh.

- Tính đến đặc thù của dân tộc Việt Nam trên các mặt ngôn ngữ, tâm lí, văn hóa và tâm - sinh lí lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, tận dụng mặt chuyển di tích cực và hạn chế mặt chuyển di tiêu cực trong quá trình dạy học.

Thiết bị dạy học cần đạt những yêu cầu cơ bản sau đây:

- Có bộ sách giáo khoa đảm bảo về chất lượng và đủ về số lượng cho giáo viên và học sinh.
- Có đủ bộ tranh, ảnh, bản đồ, biểu bảng, ... và băng tiếng, băng hình, phần mềm máy vi tính, v.v....

#### 4.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

*Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ về kiểm tra đánh giá các môn học THPT.*

- Việc kiểm tra, đánh giá phải tuân thủ mục tiêu dạy học. Các bài kiểm tra phải nhằm kiểm tra 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong khuôn khổ các kiến thức ngôn ngữ qui định theo nội dung chương trình môn học.
- Đa dạng các hình thức kiểm tra. Có ưu tiên cho loại hình trắc nghiệm khách quan, nhưng cần sử dụng phù hợp với từng loại kiến thức, kĩ năng và mục đích kiểm tra. Có tỷ lệ thích đáng cho hình thức kiểm tra tự luận trong kĩ năng viết và đọc.
- Nội dung kiểm tra đánh giá phải là kĩ năng thực hiện các hành động lời nói gắn kết tạo nên chương trình ứng xử lời nói trong các tình huống giao tiếp cụ thể và kĩ năng đọc hiểu, phù hợp với yêu cầu và mức độ của chương trình ở thời điểm kiểm tra đánh giá.
- Kiểm tra đánh giá phải thông qua hoạt động lời nói dưới dạng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Nga.
- Mức độ hoàn thiện của khả năng giao tiếp là căn cứ đánh giá chủ yếu, chuẩn mực ngôn ngữ là thứ yếu.

#### 4.6. Tài liệu tham khảo

- Chương trình và SGK tiếng Nga đại trà
- Chương trình và SGK tiếng Nga nâng cao
- Sách dạy tiếng Nga cho người nước ngoài của các Nhà xuất bản trong và ngoài nước có hệ thống chủ điểm, nội dung ngôn ngữ, đất nước học tương đương chương trình nâng cao..
- Tài liệu, sách dạy tiếng Nga có khả năng phục vụ mục tiêu chính được đặt ra.
- Tài liệu đất nước học và những tác phẩm văn học Nga trong khuôn khổ chương trình Tiếng Nga nâng cao, đồng thời phù hợp trình độ và lứa tuổi của học sinh.